

TẬP LÀM VĂN

LUYỆN TẬP QUAN SÁT CÂY CỐI

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Biết quan sát cây cối theo trình tự hợp lí, kết hợp các giác quan khi quan sát; bước đầu nhận ra được sự giống nhau giữa miêu tả một loài cây với miêu tả một cái cây (BT1).

2. Kỹ năng

- Ghi lại được các ý quan sát về một cây em thích theo một trình tự nhất định (BT2).

3. Thái độ

- Biết bảo vệ, chăm sóc cây cối

4. Góp phần phát triển NL:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: + Một số tờ giấy kẻ thể hiện nội dung các BT 1a, b.
+ Bảng viết sẵn lời giải BT, d, e.
+ Tranh, ảnh một số loài cây.
- HS: Vở, bút, ...

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập-thực hành
- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
|--|---|
| 1. Khởi động:(5p) - GV dẫn vào bài học | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ |
| 2. HĐ thực hành (30p) * Mục tiêu: Biết quan sát cây cối theo trình tự hợp lí, kết hợp các giác quan khi quan sát; bước đầu nhận ra được sự giống nhau giữa miêu tả một loài cây với miêu tả một cái cây (BT1). Ghi lại được các ý quan sát về một cây em thích theo một trình tự nhất định (BT2). * Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp | |
| Bài tập 1: Đọc lại 3 bài văn... a. Tác giả mỗi bài văn quan sát cây theo trình tự nào? | Nhóm 4 – Lớp - HS đọc 3 bài <i>Bãi ngô</i> (trang 30), <i>Cây gạo</i> (trang 32), <i>Sầu riêng</i> (trang 34). a. Trình tự quan sát cây. - Bài <i>Sầu riêng</i> : quan sát từng bộ phận của cây. - Bài <i>Bãi ngô</i> : quan sát từng thời kì phát triển của cây. - Bài <i>Cây gạo</i> : quan sát từng thời kì phát |

b. Các tác giả quan sát cây bằng các giác quan nào?

c. Trong 3 bài đã đọc, em thích hình ảnh so sánh và nhân hoá nào? Tác dụng của hình ảnh so sánh, nhân hoá đó?

- GV nhận xét và đưa bảng liệt kê các hình ảnh so sánh nhân hoá có trong 3 bài.

d. Trong ba bài văn trên, bài nào miêu tả một loài cây, bài nào miêu tả một cây cụ thể?

e. Miêu tả một loài cây có điểm gì giống và có gì khác với miêu tả một cây cụ thể?

- GV nhận xét và chốt lại:

triển của cây (từng thời kì phát triển của bông gạo).

b. Tác giả quan sát cây bằng các giác quan:

- Quan sát bằng thị giác (mắt): các chi tiết được quan sát: cây, lá, búp, hoa, bắp ngô, bướm trắng, bướm vàng (bài Bãi ngô). Cây, cành, hoa, quả, gạo, chim chóc (bài Cây gạo). Hoa trái, dáng, thân, cành lá (bài Sầu riêng).

- Quan sát bằng khứu giác (mũi): Hương thơm của trái sầu riêng.

- Quan sát bằng vị giác (lưỡi): Vị ngọt của trái sầu riêng.

- Quan sát bằng thính giác (tai): tiếng chim hót (bài Cây gạo), tiếng tu hú (bài Bãi ngô).

c. So sánh: Bài **Sầu riêng**:

- Hoa sầu riêng ngan ngát hương cau, hương bưởi.

- Cánh hoa nhỏ như vảy cá, hao hao giống cánh sen con.

- Trái lủng lẳng dưới cành trông như tổ kiến.

Bài **Bãi ngô**:

- Cây ngô lúc nhỏ lấm tẩm như cây mạ non.

- Búp như kết bằng nhung và phấn.

- Hoa ngô xơ xác như cỏ may.

Bài **Cây gạo**:

- Cánh hoa gạo đỏ rực quay tít như chong chóng.

- Quả hai đầu thon vút như con thoi.

- Cây như treo rung rinh hàng ngàn nôi cơm gạo mới.

* Nhân hoá: Bài **Bãi ngô**:

d. Hai bài **Sầu riêng** và bài **Bãi ngô** miêu tả một loài cây; bài **Cây gạo** miêu tả một loài cây cụ thể.

+ Điểm giống nhau: Đều phải quan sát kĩ và sử dụng mọi giác quan; tả các bộ phận của cây; tả xung quanh cây; dùng các biện pháp so sánh, nhân hoá khi tả; bộc lộ tình cảm của người miêu tả.

| | |
|--|---|
| <p>- GV chốt lại trình tự quan sát và các giác quan vận dụng để quan sát, việc sử dụng các biện pháp NT trong khi miêu tả, cách miêu tả một loài cây, một cây cụ thể</p> <p>Bài tập 2: Quan sát một cây mà em thích trong khu vực trường em...</p> <p>- GV giao việc: Dựa vào quan sát một cây cụ thể ở nhà, các em hãy ghi lại những gì đã quan sát được. (GV có thể đưa tranh, ảnh về một số cây cụ thể để HS quan sát).</p> <p>- GV nhận xét theo 3 ý a, b, c trong SGK và khen ngợi một số bài ghi tốt.</p> <p>* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 ghi được những gì quan sát được</p> <p>- HS M3+M4 cần lập được dàn ý chi tiết.</p> <p>3. HĐ ứng dụng (1p)</p> <p>4. HĐ sáng tạo (1p)</p> | <p>+ Điểm khác nhau: Tả loài cây cần chú ý đến các đặc điểm phân biệt loài cây này với loài cây khác. Còn tả một cái cây cụ thể phải chú ý đến đặc điểm riêng của cây đó. Đặc điểm đó làm nó khác biệt với các cây cùng loài.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p style="text-align: center;">HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp</p> <p>- HS quan sát tranh ảnh kết hợp và làm bài.</p> <p>- Một số HS trình bày.</p> <p>- Lớp nhận xét</p> <p>- Hoàn chỉnh bài quan sát.</p> <p>- Xây dựng dàn ý chi tiết từ kết quả quan sát.</p> |
|--|---|

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

KHOA HỌC (VNEN)

ÂM THANH TRONG CUỘC SỐNG (T2)

.....

.....

.....

KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)

ÂM THANH TRONG CUỘC SỐNG (tt)

1. Kiến thức

- Nêu được ví dụ về:
- + Tác hại của tiếng ồn: tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khoẻ (đau đầu, mất ngủ); gây mất tập trung trong công việc, học tập;...
- + Một số biện pháp chống tiếng ồn.

2. Kỹ năng

- Thực hiện các quy định không gây ồn nơi công cộng.
- Biết cách phòng chống tiếng ồn trong cuộc sống: bịt tai khi nghe âm thanh quá to, đóng cửa để ngăn cách tiếng ồn,...

3. Thái độ

- Có ý thức giữ trật tự, không gây ồn ào nơi công cộng

4. Góp phần phát triển các năng lực:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, NL sáng tạo
- * **KNS:** *Tìm kiếm và xử lý thông tin về nguyên nhân, giải pháp chống tiếng ồn*
- * **GD BVMT:**
- *Mối quan hệ giữa con người với môi trường: Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.*
- *Ô nhiễm không khí, nguồn nước*

II. CHUẨN BI:

1. Đồ dùng

- GV: Tranh minh hoạ (phóng to nếu có điều kiện)
- HS: Tranh ảnh về các loại tiếng ồn và cách phòng chống.

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.
- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
|--|---|
| 1, Khởi động (4p) + <i>Nêu vai trò của âm thanh trong đời sống?</i> + <i>Nêu những âm thanh mà em thích và không thích?</i> - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. | - TBHT điều khiển các bạn chơi trò chơi: Hộp quà bí mật + <i>Nhờ có âm thanh, chúng ta có thể học tập, trao đổi, giải trí,....</i> + <i>Tiếng chim hót, tiếng hát</i> + <i>Tiếng còi tàu, xe,..</i> |
| 2. Bài mới: (30p) * Mục tiêu: - Nêu được tác hại của tiếng ồn - Một số biện pháp chống tiếng ồn. * Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp | |
| Hoạt động 1: Nguồn gây ra tiếng ồn. * Có những âm thanh chúng ta ưa thích và muốn ghi lại để thưởng thức. Tuy nhiên cũng có những âm thanh ta không | - HS lắng nghe |

| | |
|---|--|
| <p>ưa thích cần tìm cách phòng tránh (chẳng hạn tiếng ồn)</p> <p>- Hướng dẫn HS quan sát hình trang 88 SGK và thảo luận, bổ sung thêm các nguồn gây ra tiếng ồn</p> <p>- GV giúp HS phân loại tiếng ồn chính để nhận thấy <i>hầu hết các tiếng ồn đều do con người gây ra.</i></p> <p>Hoạt động 2: Tác hại của tiếng ồn và biện pháp phòng chống.</p> <p>- GV hướng dẫn HS quan sát hình trang 88 SGK và tranh ảnh do các em sưu tầm. + <i>Nêu tác hại và cách phòng chống tiếng ồn?</i></p> <p>Hoạt động 3: Thực hành phòng chống tiếng ồn</p> <p>- GV ghi lên bảng biện pháp tránh tiếng ồn. + <i>Nêu những việc nên làm và không nên làm để góp phần chống ô nhiễm tiếng ồn ở lớp, ở nhà và nơi công cộng.</i></p> <p>- Nhận xét, chốt. * Kết luận, rút ra bài học</p> <p>3. HĐ ứng dụng (1p)</p> <p>- <i>GDBVMT: Tiếng ồn có hại cho sức khoẻ của con người, cần hạn chế tiếng ồn và có giải pháp phòng chống tiếng ồn mọi lúc, mọi nơi</i></p> <p>4. HĐ sáng tạo (1p)</p> | <p>- HS làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp</p> <p>Đáp án: <i>Các nguồn gây tiếng ồn: tiếng loa đài quá to, tiếng còi và tiếng động cơ xe, tiếng phát ra từ chợ, tiếng chó sủa, tiếng từ công trường lao động,...</i></p> <p>- HS liên hệ: Nêu các tiếng ồn nơi mình sinh sống</p> <p>- Nhóm 2 – Chia sẻ lớp</p> <p>+ <i>Tác hại của tiếng ồn: gây mất ngủ, đau đầu, suy nhược thần kinh, có hại cho tai.</i></p> <p>+ <i>Cách phòng chống: có quy định chung về không gây tiếng ồn nơi công cộng, sử dụng các vật ngăn cách làm giảm tiếng ồn đến tai.</i></p> <p>- HS trình bày cá nhân – Chia sẻ lớp</p> <p>+ <i>Làm việc nhẹ nhàng đi nhẹ, nói khẽ, không la hét, đập gõ bàn ghế ...</i></p> <p>- Thực hành phòng chống tiếng ồn tại gia đình, lớp học</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>- Trả lời câu hỏi: Tại sao phòng hát ka-ra-ô-kê lại thường làm các bức tường sần sùi?</p> |
|---|--|

Thứ sáu ngày 31 tháng 1 năm 2019

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

MỞ RỘNG VỐN TỪ: CÁI ĐẸP

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Giúp HS mở rộng thêm vốn từ ngữ về chủ điểm Cái đẹp để sử dụng trong nói và viết.

2. Kỹ năng

- Biết thêm một số từ ngữ nói về chủ điểm Vẻ đẹp muôn màu, biết đặt câu với một số từ ngữ theo chủ điểm đã học (BT1, BT2, BT3); bước đầu làm quen với một số thành ngữ liên quan đến cái đẹp (BT4).

3. Thái độ

- Có ý thức dùng từ, đặt câu và viết câu đúng.

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

* **GDBVMT:** HS biết yêu và quý trọng cái đẹp trong cuộc sống.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: + Một vài tờ giấy khổ to viết nội dung BT 1, 2.

+ Bảng phụ.

- HS: Vở BT, bút, ..

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của HS |
|---|--|
| 1. Khởi động (5p) - Dẫn vào bài mới | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ |
| 2. HĐ thực hành (30p) * Mục tiêu: Biết thêm một số từ ngữ nói về chủ điểm Vẻ đẹp muôn màu, biết đặt câu với một số từ ngữ theo chủ điểm đã học (BT1, BT2, BT3); bước đầu làm quen với một số thành ngữ liên quan đến cái đẹp (BT4). * Cách tiến hành | |
| Bài tập 1: Tìm các từ: - YC HS hoạt động theo nhóm 4. - Nhận xét, kết luận lời giải đúng. | Nhóm 4 – Chia sẻ lớp Đáp án: a) Các từ thể hiện vẻ đẹp bên ngoài của con người: đẹp, xinh, xinh đẹp, xinh tươi, xinh xắn, xinh xẻo, xinh xinh, tươi tắn, tươi giòn, rục rỡ, lộng lẫy, thướt tha ... b) Các từ thể hiện nét đẹp trong tâm hồn, tính cách: thủy mị, dịu dàng, đằm thắm, đậm đà, đôn hậu, nét na, chân thực, chân thành, thẳng thắn, ngay thẳng, ngay thẳng, bộc trực, cương trực, dũng cảm, quả cảm, khảng khái, khí khái,... |

TOÁN

Tiết 110: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Củng cố KT về so sánh phân số

2. Kỹ năng

- Thực hiện so sánh được các PS cùng MS, khác MS, cùng TS.

- Vận dụng sắp thứ tự các số tự nhiên

3. Thái độ

- Tự giác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

4. Góp phần phát triển các NL

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

* Bài tập cần làm: Bài 1 (a, b), bài 2 (a, b), bài 3. HSNK làm tất cả bài tập

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Phiếu học tập

- HS: Vở BT, bút

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi học tập, luyện tập-thực hành

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
|--|---|
| 1. Khởi động: (3p) + <i>Bạn hãy cho biết muốn so sánh hai phân số khác mẫu ta làm như thế nào?</i> + <i>Bạn hãy nêu ví dụ về so sánh hai phân số khác mẫu?</i> - GV dẫn vào bài mới | - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét - HS lấy VD và thực hiện so sánh |
| 2. HĐ thực hành (30p) * Mục tiêu: - Thực hiện so sánh được các PS cùng MS, khác MS, cùng TS. - Vận dụng sắp thứ tự các số tự nhiên * Cách tiến hành | |
| Bài 1a, b: HSNK hoàn thành cả bài - GV chốt đáp án. - Củng cố cách so sánh các phân số cùng MS, khác MS. - Lưu ý HS trong một số bài so sánh hai PS khác MS có thể chọn cách rút gọn hoặc quy đồng cho phù hợp | Cá nhân - Nhóm 2 - Lớp <u>Đáp án:</u> a. $\frac{5}{8} < \frac{7}{8}$ Vì $5 < 7$ b. $\frac{15}{25}$ và $\frac{4}{5}$ $\frac{15}{25} = \frac{15:5}{25:5} = \frac{3}{5}$ Vì $\frac{3}{5} < \frac{4}{5}$ nên $\frac{15}{25} < \frac{4}{5}$ |

Bài 2a, b (HSNK hoàn thành cả bài)

+ Cách 1 chúng ta sẽ làm như thế nào?

+ Suy nghĩ về cách 2?

- GV chốt đáp án, cách so sánh

- **Củng cố và bổ sung cách so sánh 2 cách so sánh phân số.**

+ Quy đồng MS các PS rồi so sánh

+ So sánh các PS với 1

Bài 3: So sánh hai phân số có cùng tử số.

c. $\frac{9}{7}$ và $\frac{9}{8}$

$$\frac{9}{7} = \frac{9 \times 8}{7 \times 8} = \frac{72}{56} \quad \frac{9}{8} = \frac{9 \times 7}{8 \times 7} = \frac{63}{56}$$

Vì $\frac{72}{56} > \frac{63}{56}$ nên $\frac{9}{7} > \frac{9}{8}$

d. Giữ nguyên $\frac{11}{20}$. Ta có $\frac{6}{10} = \frac{6 \times 2}{10 \times 2} = \frac{12}{20}$

Vì $\frac{11}{20} < \frac{12}{20}$ nên $\frac{11}{20} < \frac{6}{10}$.

- Thực hiện nhóm 2 – Chia sẻ lớp

+ Thực hiện QĐMS các PS rồi so sánh

+ So sánh các PS với 1

Đáp án:

a) $\frac{8}{7}$ và $\frac{7}{8}$;

$\frac{8}{7} > 1$ Vì tử số lớn hơn mẫu số.

$\frac{7}{8} < 1$ Vì tử số bé hơn mẫu số.

Nên $\frac{8}{7} > \frac{7}{8}$

b) $\frac{9}{5}$ và $\frac{5}{8}$;

$\frac{9}{5} > 1$ Vì tử số lớn hơn mẫu số

$\frac{5}{8} < 1$ Vì tử số bé hơn mẫu số.

Nên $\frac{9}{5} > \frac{5}{8}$

c) $\frac{12}{16}$ và $\frac{28}{21}$;

$$\frac{12}{16} = \frac{12 : 4}{16 : 4} = \frac{3}{4} ; \quad \frac{28}{21} = \frac{28 : 7}{21 : 7} = \frac{4}{3}$$

$\frac{3}{4} < 1$ Vì tử số bé hơn mẫu số

$\frac{4}{3} > 1$ Vì tử số lớn hơn mẫu số.

$\frac{3}{4} < \frac{4}{3}$ nên $\frac{12}{16} < \frac{28}{21}$;

- HS đọc yêu cầu bài tập.

| | |
|--|---|
| <p>- GV yêu cầu HS xem lại phần c bài 1. + GV yêu cầu HS nêu cách so sánh đã làm ở bài tập 1 + Em có nhận xét gì về TS của 2 phân số trên? + Em có nhận xét gì mối quan hệ giữa TS và thứ tự của các số. + Như vậy, khi so sánh hai phân số có cùng tử số, ta có thể dựa vào mẫu số để so sánh như thế nào?</p> <p>Bài 4 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)</p> <p>- Chốt lại cách quy đồng MS các PS</p> <p>3. HĐ ứng dụng (1p) 5. HĐ sáng tạo (1p)</p> | <p>- So sánh: $\frac{9}{7}$ và $\frac{9}{8}$; + Thực hiện QĐMS các PS rồi so sánh + Tử số của 2 phân số bằng nhau. + Tử số bé thì PS đó lớn hơn và ngược lại + Với hai phân số có cùng tử số, phân số nào có mẫu số lớn hơn thì phân số đó bé hơn và ngược lại phân số nào có mẫu số bé hơn thì phân số đó lớn hơn.</p> <p>- HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp</p> <p><u>Đáp án:</u> * $\frac{9}{11}$ và $\frac{9}{14}$; $\frac{9}{11} > \frac{9}{14}$ Vì $11 < 14$ * $\frac{8}{9}$ và $\frac{8}{11}$; $\frac{8}{9} > \frac{8}{11}$ Vì $9 < 11$</p> <p>- HS làm vở Tự học – Chia sẻ lớp</p> <p>a) Vì $4 < 5$; $5 < 6$ nên $\frac{4}{7} < \frac{5}{7}$; $\frac{5}{7} < \frac{6}{7}$.</p> <p>b) Quy đồng mẫu số các phân số $\frac{2}{3}$; $\frac{5}{6}$; $\frac{3}{4}$</p> $\frac{2}{3} = \frac{2 \times 4}{3 \times 4} = \frac{8}{12}; \frac{5}{6} = \frac{5 \times 2}{6 \times 2} = \frac{10}{12}; \frac{3}{4} = \frac{3 \times 3}{4 \times 3} = \frac{9}{12}$ <p>Vi $\frac{8}{12} < \frac{9}{12} < \frac{10}{12}$ nên $\frac{2}{3} < \frac{3}{4} < \frac{5}{6}$</p> <p>- Chữa lại các phần bài tập làm sai</p> <p>BTPTNL: So sánh các phân số sau bằng cách thuận tiện nhất.</p> <p>a. $\frac{1}{2}$; $\frac{3}{4}$; b. $\frac{5}{4}$; $\frac{15}{20}$; bvc. $\frac{5}{7}$; $\frac{7}{5}$.</p> |
|--|---|

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

TẬP LÀM VĂN

LUYỆN TẬP MIÊU TẢ CÁC BỘ PHẬN CỦA CÂY CỎI

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức